

Các xí nghiệp gửi các tài liệu như bảng tổng kết tài sản, báo cáo hàng tháng, quý cho Chi nhánh Ngân hàng địa phương trực tiếp cho vay; Bộ, Tổng cục gửi cho Ngân hàng trung ương để theo dõi, góp ý kiến nhằm tăng cường chế độ hạch toán kinh tế.

Thông tư này chỉ nêu lên những điểm lớn có tính chất nguyên tắc. Mỗi Bộ tùy theo sự cần thiết sẽ cụ thể hóa thêm chi tiết, nội dung của thông tư này cho ngành mình.

Hà nội ngày 27 tháng 8 năm 1959

K.T. Bộ trưởng K.T. Bộ trưởng Tổng giám đốc
Bộ Tài chính Bộ Giao thông Bưu điện Ngân hàng Quốc
Thủ trưởng Thủ trưởng gia Việt nam

TRINH VĂN BÌNH NGUYỄN NHƯ QUỸ LÊ VIỆT LƯỢNG

NÔNG LÂM — NGÂN HÀNG QUỐC GIA

THÔNG TƯ số 267 — LB ngày 6-9-1959
về việc thi hành quyết định số
054-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ
tướng Chính phủ về nguyên tắc cấp vốn
lưu động đối với các xí nghiệp quốc
doanh công nghiệp, lâm nghiệp, nông
nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện

Quyết định số 054-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ đã ấn định nguyên tắc về định mức vốn, cấp vốn lưu động đối với các xí nghiệp quốc doanh công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện; về việc Ngân hàng Quốc gia cho vay trong định mức vốn lưu động.

Quyết định nói trên nhằm hết sức tiết kiệm vốn cho Nhà nước, đồng thời giúp đỡ cho các xí nghiệp giải quyết những khó khăn về vốn trong quá trình thực hiện kế hoạch, góp phần củng cố thêm một bước chế độ hạch toán kinh tế, để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Thông tư này của Liên bộ Nông lâm — Ngân hàng quy định cụ thể những nguyên tắc và biện pháp chủ yếu hướng dẫn các nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp quốc doanh khác thuộc Bộ Nông lâm và các Chi nhánh Ngân hàng địa phương thi hành.

I. MẤY NGUYÊN TẮC CHUNG TRONG VIỆC CẤP VỐN LƯU ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC VÀ VIỆC CHO VAY TRONG ĐỊNH MỨC CỦA NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

1. Đối với tất cả các nông trường quốc doanh, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp khác thuộc

ngành Nông lâm, sau khi đã được xét duyệt vốn lưu động định mức, Nhà nước chỉ cấp tối đa 70%. Số còn lại 30%, Nhà nước sẽ chuyển giao cho Ngân hàng cho vay, coi như cho vay trong định mức tiêu chuẩn vốn lưu động.

2. Ngoài ra, nếu nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp khác cần có dự trữ trên định mức tiêu chuẩn vốn lưu động thì Ngân hàng quốc gia sẽ cho vay trên định mức theo thể lệ và biện pháp cho vay ngắn hạn của Ngân hàng.

Thi hành 2 nguyên tắc trên sẽ có mấy trường hợp sau:

a) Trường hợp đã được cấp đủ hoặc thiếu chút ít vốn lưu động định mức.

Trường hợp này các nông trường quốc doanh, các chi nhánh lâm khẩn, các xí nghiệp khác chỉ được giữ lại 70%, còn số thừa thì hoàn lại Bộ Tài chính để Bộ Tài chính chuyển cho Ngân hàng Quốc gia cho vay trong định mức. Đồng thời các nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp cũng ký giấy nhận vay của chi nhánh Ngân hàng địa phương 30% trong định mức để có vốn hoạt động. Việc hoàn vốn thừa trên 70% trong định mức và vay 30% trong định mức phải tiến hành một lúc để hợp lý hóa thủ tục kế toán của Ngân hàng.

b) Trường hợp chưa được cấp đủ vốn lưu động định mức.

Trong trường hợp này thì Bộ Nông lâm cũng chỉ cấp thêm cho đủ 70% trong định mức, còn lại 30% trong định mức thì Bộ Tài chính, hoặc Bộ Nông lâm chuyển cho Ngân hàng, các nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp khác cũng ký giấy vay nợ Ngân hàng như trường hợp trên.

c) Trường hợp vốn lưu động tự có đã quá vốn lưu động định mức được duyệt cho năm 1959.

Trường hợp này các nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp khác phải nộp số vốn thừa trên định mức cho Cục chủ quản hoặc Bộ Nông lâm. Số vốn còn lại trong định mức được duyệt thì cũng nộp 30% trong định mức cho Bộ Tài chính để Bộ Tài chính chuyển cho Ngân hàng và vay 30% trong định mức của chi nhánh Ngân hàng địa phương như hai trường hợp trên.

3. Ngoài ra các nông trường, chi nhánh lâm khẩn, các xí nghiệp khác phải nộp đầy đủ và đúng kỳ hạn các khoản khấu hao, tiền bán tài sản cố định cho dự toán Nhà nước và các khoản lợi nhuận, vốn lưu động thừa cho Bộ Nông lâm.

Các chi nhánh Ngân hàng địa phương phối hợp chặt chẽ với các nông trường quốc doanh, các xí nghiệp lâm khẩn và các xí nghiệp khác để đặt kế hoạch nộp các khoản này cho đầy đủ như đã quy định trong công văn số 214-NL/KHTV ngày 25-6-1959 của Bộ Nông lâm (điều 4).

4. Trong khi tiến hành nộp vốn trong định mức và các khoản khác đã quy định trong các điểm

trên, nếu các nông trường, chi nhánh lâm khẩn, các xí nghiệp khác không đủ tiền mặt để nộp, vì tiền đã nằm đọng trong sản phẩm, dự trữ nguyên vật liệu, khách nợ chưa thanh toán v.v... thì sẽ đề nghị vay của các chi nhánh Ngân hàng số tiền cần nộp.

5. Ngân hàng cho vay các dự trữ nguyên vật liệu trong định mức trong phạm vi kế hoạch hay ngoài kế hoạch (như cầu tạm thời) theo đúng thể lệ và biện pháp cho vay ngắn hạn của Ngân hàng quốc gia đã ban hành.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI TIẾN HÀNH

1. Các nông trường quốc doanh, các chi nhánh lâm khẩn các xí nghiệp quốc doanh khác, các chi nhánh Ngân hàng địa phương cần nghiên cứu kỹ thông tư này, đặt kế hoạch thi hành một cách tích cực và thận trọng dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng ủy và chính quyền địa phương; cố gắng giải quyết những mắc mứu về tài vụ từ trước, có biện pháp ngăn ngừa những hiện tượng ấy tái diễn gây khó khăn cho việc sản xuất và kinh doanh

2. Đảng ủy và quản đốc xí nghiệp cần có kế hoạch giáo dục cho toàn thể cán bộ công nhân viên quán triệt chính sách tiết kiệm vốn của Nhà nước và nhiệm vụ giám đốc bằng đồng tiền của Ngân hàng quốc gia trong công tác cho vay ngắn hạn, thanh toán không dùng tiền mặt, kiểm soát việc chi tiêu quỹ tiền lương, quản lý quỹ tiền mặt.

3. Giữa Ngân hàng và các nông trường quốc doanh, các chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp khác cần có sự phối hợp chặt chẽ, phát huy tinh thần vì lợi ích chung, tìm mọi biện pháp khắc phục khó khăn, thi hành nghiêm chỉnh thông tư này và hoàn thành công việc cho vay, nộp vốn và thanh toán các khoản nợ đầy đủ trong tháng 9 năm 1959.

Hà nội, ngày 6 tháng 9 năm 1959

K.T. Tổng Giám đốc
Ngân hàng quốc gia Việt nam

Phó Tổng Giám đốc
VŨ DUY HIỆU

K.T. Bộ trưởng
Bộ Nông lâm

Thứ trưởng
LÊ DUY TRINH

NỘI VỤ — GIÁO DỤC

THÔNG TƯ số 41-TT ngày 8-9-1959
quy định chế độ tạm thời đối với
sinh viên năm thứ 3 trường Đại học
Bách khoa đi thực tập và công tác.

Thủ tướng phủ đã quyết định cuối niên khóa 1958 — 1959, số sinh viên năm thứ 3 trường Đại học Bách khoa sẽ đi thực tập và công tác ở các ngành để bồi dưỡng thực tế và góp phần vào việc thực hiện kế hoạch 3 năm. Sau thời gian thực tập và công tác 2 năm, số sinh viên ấy sẽ trở về trường bổ túc thêm về lý thuyết rồi thi tốt nghiệp.

Liên bộ quy định chế độ tạm thời sau đây, nhằm bảo đảm cho anh chị em có điều kiện tham gia thực tập và công tác được tốt.

I. TRONG THỜI GIAN CÔNG TÁC VÀ THỰC TẬP

1. Đối với những sinh viên là cán bộ, nhân viên công nhân, quân nhân đủ tiêu chuẩn được cơ quan, đơn vị chọn, giới thiệu đi học.

a) Hưởng 100% mức lương của bậc đã được sắp xếp; nếu mức lương ấy (không kể phụ cấp khu vực) thấp hơn mức lương bậc dưới bậc khởi điểm của khung bậc quy định cho cán bộ chuyên môn kỹ thuật cao cấp thì hưởng theo mức lương của bậc dưới bậc khởi điểm.

Được hưởng phụ cấp khu vực nơi đến công tác và thực tập (nếu có).

Vi dụ: Ông A được đi công tác và thực tập ở một xí nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp:

— Bậc lương cũ: 9/21... 64đ

— Bậc dưới bậc khởi điểm của kỹ thuật cao cấp: 6/14... 61đ (sản nghiệp 2).

Như vậy, ông A được hưởng theo mức lương cũ: 64đ

Nếu làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực 12% thì thêm: 7đ68
Cộng... 71đ68

Ông B cũng đi thực tập và công tác ở một xí nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp:

— Bậc lương cũ: 7/21... 50đ

— Bậc dưới bậc khởi điểm của kỹ thuật cao cấp: 6/14... 61đ (sản nghiệp 2)

Như vậy, ông B hưởng theo mức lương 61đ
Nếu làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực

10% thì thêm: 6đ10
Cộng... 67đ10

b) Các quyền lợi khác: ốm đau, thai sản, nghỉ hàng năm, trợ cấp con v.v... đều được hưởng như cán bộ, công nhân trong biên chế tại chức.